TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24-01-2019
Vv: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng.

2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018, về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28-12-2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11-01-2019 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 01/2019/QĐ-TA ngày 18-01-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1987; địa chỉ: Số 42 B, ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Đức C, sinh năm: 1980; địa chỉ: Tổ 8, khu phố K, phường K, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong qúa trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Phạm Đức C tự nguyện chung sống, đăng kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 205/BS, quyển số 02/2014 ngày 25-10-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống

hạnh phúc và có với nhau cháu Phạm Đức H, sinh ngày 12-5-2015. Tuy nhiên, do ông C tính tình nóng nảy mỗi khi vợ chồng bàn bạc việc gì luôn gắt gỏng để giữ sự êm ấm trong gia đình nên bà A đành bỏ qua, nhưng càng ngày vợ chồng càng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, những bất hòa ngày càng lớn khiến cho bà A cảm thấy ngột ngạt, mệt mỏi và khó khịu. Trong lúc bà A cố gắng chịu đựng để giữ lấy hạnh phúc của gia đình thì ông C lại không quan tâm mà làm theo ý của mình và ghen tuông vô cớ nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Đỉnh điểm vào tháng 3-2018 vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, ông C bỏ về Bà Rịa sinh sống, đến tháng 4-2018 trong một lần lên thăm con thì đưa con về cùng mà không thông báo cho bà A biết. Trong khi đó mỗi lần bà A muốn gặp con ông C lại gây khó khăn không cho gặp và thay đổi chỗ ở. Xác định không còn tình cảm gì với ông C, cố kéo dài cuộc hôn nhân cũng không có hạnh phúc vì vậy bà A yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Phạm Đức C.

- Về con chung: Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Phạm Đức H, sinh ngày 12-5-2015 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn ông Phạm Đức C trình bày:

Ông Phạm Đức C và bà Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện chung sống và đăng ký kết kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 25-10-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai và có một con chung là cháu Phạm Đức H, sinh ngày 12-5-2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng thỉnh thoảng cũng phát sinh những mâu thuẫn nhỏ, nhưng đã giải quyết để tiếp tục chung sống với nhau. Tháng 9-2017, vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn nhưng đã được gia đình đã họp lại giải quyết ổn thỏa. Tháng 3-2018, vợ chồng lại giận nhau bà A đưa con về bên ngoại ở tuần nào ông C cũng đến thăm con, ngày 22-4-2018 ông C đến thăm thì thấy con nằm ngủ một mình nên đưa về Bà Rịa sinh sống cho đến nay (bà A buôn bán quần áo gần đó nhưng đi từ sáng sớm đến tối mới về). Trong thời gian này vợ chồng ít quan tâm đến nhau mà để cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, kinh tế, công việc của ông C không ổn định nên thu nhập không cao, ngoài ra còn nhiều lý do khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ với nhau.

Qua yêu cầu xin ly hôn của bà A, ông C không đồng ý vì con đang còn nhỏ và vẫn còn tình cảm với bà A nhưng do cách đối xử của bên ngoại nên mới đưa con về Bà Rịa sinh sống. Trường hợp bà A kiên quyết xin ly hôn và được Tòa chấp nhận, ông C yêu cầu được nuôi cháu Phạm Đức H và không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không thay đổi, bổ sung gì thêm; ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập đầy đủ chứng cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng:

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt trong một số buổi làm việc và tại phiên tòa là chưa chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Ông C và bà A tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng không hàn gắn được, cho thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc A yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con đối với ông Phạm Đức C được xác định là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hiện nay ông C đang cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Phạm Đức C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Đức C và bà Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà A cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C tính tình nóng nảy có gia trưởng, ghen tuông vô cớ không lo tu chí làm ăn. Ông C thừa nhận thỉnh thoảng vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng đã được giải quyết, trong cuộc sống do áp lực công việc nên đôi khi cũng lớn tiếng, nóng giận có đánh bà A. Cuối tháng 3-2018 bà A đưa con về bên ngoại ở còn ông C về Bà Rịa sinh sống nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm, nhưng không được, trong khi đó bà A kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật đúng như lời trình bày của các bên nhưng không giải quyết được cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà A là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con: Có một con chung là cháu Phạm Đức H, sinh ngày 12-5-2015, các bên đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Xét yêu cầu của các bên thì thấy, hiện nay ông C không có thu nhập ổn định, thường xuyên thay đổi công việc trong khi đó bà A có thu nhập ổn định, hơn nữa cháu Hải mới hơn ba tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, giao con cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, việc Ánh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ngọc A là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc A về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" đối với ông Phạm Đức C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với ông Phạm Đức C.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Đức H, sinh ngày 12-5-2015 cho bà Nguyễn Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ghi nhận tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc A về việc không yêu cầu ông Phạm Đức C cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Đức C được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 000487 ngày 11-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Hoàng Đức

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.